TAND KHU VỰC 7 **TỈNH Q N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 25/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – Q N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân: Bà Trần Thị Hoa Hồng và bà Lê Thị Ngọc Phượng.
- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Q N.
- ***Đại diện Viện kiểm sát*** *nhân dân khu vực 7 - Q N tham gia phiên toà*: Ông Mạc Đức Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Q N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2025/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2025 đối với:

Bị cáo **T**, sinh ngày 11/10/2005, tại KT; thường trú: Thôn KT Kơ Nâm, phường KT, tỉnh Q N (Cũ: phường T N, thành phố KT); nghề nghiệp: Làm nông; học vấn: 6/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông D, sinh năm 1970 và bà YH, sinh năm 1971; bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 6 chị em, chị lớn nhất sinh 1994, em nhỏ nhất sinh 2012.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2024 bị xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản". Đã nộp phạt. Chưa được xóa tiền sự.

Nhân thân: Năm 2018 và 2022, 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi "*Trộm cắp tài sản*" và "*Sử dụng trái phép chất ma túy*". Năm 2024 bị TAND thành phố KT xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại Bản án số 64/2023/HS-ST ngày 09/6/2023. Đã chấp hành xong hình phạt tù. Khi phạm tội là người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi nên không bị coi là có án tích.

Trong thời gian được tại ngoại, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/6/2025 để điều tra về hành vi cướp tài sản. Có mặt.

- **Bị hại**: Anh Nguyễn T t, sinh năm 1977; địa chỉ: 45 Duy Tân, phường KT, tỉnh Q N, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Anh A B, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn KT Kơ Nâm, phường KT, tỉnh Q N, vắng mặt.

2. Bà Phùng Thị A T, sinh năm 1976; địa chỉ: 01 Phan Văn Trị, phường KT, tỉnh Q N, vắng mặt.

3. Bà Hn, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn KT Kơ Nâm, phường KT, tỉnh Q N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08h30’ sáng ngày 16/01/2025, A B khởi xướng rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. A B điều khiển xe mô tô BKS 82B1-056.71 mượn của bà Hin chở T đi tìm tài sản trộm cắp, khi đến hẻm 52A đường Trần Văn Hai đoạn phía sau nhà ông Nguyễn T t, địa chỉ: Số 45 Duy Tân, phường T C, thành phố KT (Nay là phường KT, tỉnh Q N), nghe tiếng gà kêu nên A B dừng xe và hỏi T “Có trộm gà không”, T đồng ý rồi cùng A B leo qua tường rào vào nhà ông Thản bắt 05 con gà. Sau đó A B điều khiển xe chở T đem 05 con gà đến bán cho bà Phùng Thị A T, địa chỉ: 01 Phan Văn Trị, thành phố KT với số tiền 500.000đ, A B giữ lại 402.000đ, chia T được 98.000đ, cả hai đã tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản: Trị giá 05 con gà 1.027.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKSTPKT ngày 25/6/2025, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị hại và người liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về TNDS nên không đề cập.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố KT, Điều tra viên, VKSND thành phố KT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố*: Vào khoảng 08h 30 phút sáng ngày 16/01/2025, tại nhà ông Nguyễn T t, địa chỉ 45 Duy Tân, phường T C, thành phố KT (Nay là

phường KT, tỉnh Q N), A B và bị cáo T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Thản 05 con gà, trị giá 1.027.000 đồng. Mục đích bán lấy tiền tiêu xài.

Hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá 1.027.000 đồng trên chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, nên cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử phạt hành chính đối với A B là có cơ sở. Riêng bị cáo T trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi "*Trộm cắp tài sản*" chưa được xóa tiền sự, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS. Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi chiếm đoạt tài sản của A B và bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

A B và bị cáo T cùng cố ý thực hiện tội phạm, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt đối với T. Cần phân hóa vai trò tham gia trong đồng phạm, như sau: A B là người khởi xướng và tham gia tích cực, trực tiếp trộm cắp 03 con gà; A B điều khiển xe chở T đi trộm cắp và đi bán tài sản; A B được chia phần nhiều hơn gấp 4 lần T, nên A B có vai trò thứ nhất trong đồng phạm. Bị cáo T khi được A B rủ đi trộm cắp không can ngăn mà đồng ý ngay và tham gia tích cực, trực tiếp trộm cắp 02 con gà, nên có vai trò thứ hai trong đồng phạm.

[3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân*:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhân thân không tốt, 01 lần bị kết tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và 03 lần bị xử phạt hành chính về các hành vi "*Trộm cắp tài sản*" và "*Sử dụng trái phép chất ma túy*"; Trong thời gian được tại ngoại trong vụ án này, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi cướp tài sản và bắt tạm giữ, tạm giam.

[4] *Quyết định hình phạt*: Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; xét tình hình tội phạm chiếm đoạt tài sản tại địa phương. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo nghề nghiệp làm nông và không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung. HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô BKS 82B2-056.71 cho bà Hin và trả lại 05 con gà cho ông Nhàn là đúng luật.

- *Trách nhiệm dân sự*: Bà Tuyết không yêu cầu A B và T trả lại 500.000 đồng tiền bán gà; bà Hin và ông Nhàn không yêu cầu gì thêm về TNDS, nên không xem xét.

- Bà Tuyết không biết 05 con gà là tài sản trộm cắp, bà Hin không biết A B và T sử dụng xe đi trộm cắp, nên hai bà không có lỗi.

- *Án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo **T** phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

2. *Về hình phạt*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo T: **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **26/6/2025** (*Ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam để điều tra về hành vi cướp tài sản theo Quyết định tạm giữ số 929/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/6/2025 và Lệnh tạm giam số 325/LTG- VPCQCSĐT ngày 28/6/2025 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh KT*).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2025). Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND phúc thẩm Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Q N;
- VKSND tỉnh Q N;
- VKSND KV 7- Q N;
- Công an tỉnh Q N;
- THA dân sự tỉnh Q N;
- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài